

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung  
xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; sửa đổi, bổ sung năm 2018, năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện Ngọc Hiên về việc phê duyệt Nhiệm vụ - Dự toán điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Tam Giang Tây về việc thông qua đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Công văn số 3707/SXD-QHĐT ngày 17/12/2021 của Sở Xây dựng về việc thỏa thuận phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau;

Xét Tờ trình số 282/TTr-KTHT ngày 18/12/2021 và Báo cáo thẩm định số 757/BCTĐ-KTHT ngày 18/12/2021 của Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau với những nội dung sau đây:

### 1. Vị trí, ranh giới, diện tích:

- *Vị trí:* Toàn bộ ranh giới hành chính xã Tam Giang Tây, bao gồm 10 ấp: ấp Chợ Thủ A, ấp Chợ Thủ B, ấp Voi Vàm, ấp Bảo Vĩ, ấp Đường Kéo, ấp Tân Tạo, ấp Dinh Cù, ấp Ba Nhất, ấp Kại Lá, ấp Xí Nghiệp.

- *Ranh giới:* Được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp: xã Tam Giang và Tam Giang Đông, huyện Năm Căn.

+ Phía Nam giáp: xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển.

+ Phía Đông giáp: Giáp Biển Đông.

+ Phía Tây giáp: xã Tân Tân Tây, huyện Ngọc Hiển.

Diện tích điều chỉnh quy hoạch: **11.175,30** ha

### 2. Mục tiêu quy hoạch

#### \* Mục tiêu quy hoạch

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

- Quy hoạch vị trí, quy mô trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung hợp lý.

- Quy hoạch hệ thống trục khung giao thông, các trục liên ấp, kết nối trung tâm xã với các điểm dân cư hợp lý nhất.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp cho toàn xã.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội, đặc biệt là các công trình giáo dục đảm bảo quy mô, vị trí, cũng như cơ sở vật chất văn hóa, chọn các trường trung tâm để đạt tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia.

- Sớm đạt được các tiêu chí về nông thôn mới.

### 3. Tính chất

- Là xã có thế mạnh kinh tế về đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, trong đó các hoạt động trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng... được phát triển mạnh mẽ. Là khu vực phát triển nuôi trồng thủy sản và cung cấp sản phẩm thủy sản cho các địa phương lân cận.

- Chức năng của xã là một trong những đơn vị hành chính của huyện Ngọc Hiển; trong đó, trung tâm xã được xác định là Trung tâm hành chính - văn hóa, giáo dục và xã hội của toàn xã.

- Kinh tế chủ đạo của xã là ngư nghiệp chuyên đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, trồng rừng sản xuất và nuôi thủy sản dưới tán rừng.

### 4. Dự báo dân số, lao động

- Quy mô dân số hiện trạng năm 2020 là: 9.157 dân.

- Quy mô dân số dự báo đến năm 2025: 9.672 dân, trong độ tuổi lao động: 8.222 người.

- Quy mô dân số dự báo đến năm 2030: 10.226 dân, trong độ tuổi lao động: 8.692 người.



## 5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản được áp dụng

### 5.1. Bảng chỉ tiêu quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu
	Quy hoạch các điểm dân cư nông thôn	
1	Đất ở	Hộ tại cụm, tuyến: > 100 m <sup>2</sup> /hộ Hộ phi nông nghiệp: > 200 m <sup>2</sup> /hộ Hộ ở kết hợp vườn: 500 – 1.500 m <sup>2</sup> /hộ
2	Công sở cấp xã	Diện tích đất XD: > 1.000 m <sup>2</sup>
3	Nhà trẻ, trường mầm non	Diện tích đất XD: > 12 m <sup>2</sup> / chỗ Bán kính phục vụ: < 1 km Quy mô trường: 3 nhóm, lớp
4	Trường tiểu học	Diện tích đất XD: > 10 m <sup>2</sup> / chỗ Bán kính phục vụ: < 1 km Quy mô trường: > 5 lớp Quy mô lớp: > 15 học sinh
5	Trường THCS	Diện tích đất XD: > 10 m <sup>2</sup> / chỗ Quy mô trường: > 4 lớp Quy mô lớp: < 45 học sinh
6	Trạm y tế xã	Diện tích đất XD: 500-1000 m <sup>2</sup> /trạm + Không có vườn thuốc: > 500 m <sup>2</sup> /trạm + Có vườn thuốc: > 1.000 m <sup>2</sup> /trạm
		Diện tích đất XD: + Nhà văn hóa xã: > 1.000 m <sup>2</sup> /công trình + Phòng truyền thống: > 200 m <sup>2</sup> /công trình
7	Trung tâm văn hóa, thể thao	+ Nhà văn hóa ấp: ≥ 300 m <sup>2</sup> + Thư viện: > 200 m <sup>2</sup> /công trình + Hội trường: > 200 m <sup>2</sup> /công trình Cụm các CT thể thao, > 5.000m <sup>2</sup> / cụm Bao gồm: + Sân tập đa năng, sân tập riêng các môn + Nhà thể thao + Bể hoặc hồ bơi
8	Chợ, cửa hàng dịch vụ	Quy mô diện tích: 1500 m <sup>2</sup> /chợ/xã Bán kính phục vụ: < 1200 m 1 công trình/khu trung tâm: > 300m <sup>2</sup>
9	Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	Diện tích đất XD: > 150 m <sup>2</sup> /điểm
	Bãi chôn lấp chất thải rắn (bao gồm khu chôn lấp, khu xử lý nước rác và khu phụ trợ)	Khoảng cách ly vệ sinh: + Đến khu dân cư: > 3000m + Đến CT xây dựng khác: > 1000 m + DT bãi chôn lấp: > 1 ha
10	Cây xanh công cộng (bao gồm cây xanh vườn hoa trong khu trung tâm xã, vườn cây ăn quả, vườn ươm, cây xanh cách ly)	Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng: > 2 m <sup>2</sup> /người
11	Đường giao thông nông thôn	Đường từ huyện đến xã, đường liên xã: Tối thiểu Cấp VI-ĐB. Đường trục ấp, liên ấp: Cấp C-B (GTNT) Đường ngõ, xóm nhánh: Cấp D-C (GTNT)
12	Cấp nước	Nhà có thiết bị vệ sinh và đường ống cấp thoát nước: ≥ 80 lít/người/ngày Nhà chỉ có đường ống dẫn đến và vòi nước gia đình: ≥ 60

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu
		lít/người/ngày Lấy nước ở vòi công cộng: $\geq 40$ lít/người/ngày
13	Cấp điện	$\geq 50\%$ chỉ tiêu của đô thị loại V Điện năng : 200 KWh/người.năm; 500 KWh/ng.năm (sau 10 năm) Phụ tải : 150 W/người Nhu cầu điện cho công trình CC trong các điểm DCNT $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt
14	Thoát nước thải	Thu gom nước thải phải đạt $\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước Thu gom chất thải rắn 0,8 – 1kg/người/ngày với tỷ lệ thu gom $\geq 85 - 95\%$ Nghĩa trang xây dựng mới phải đặt cách khu ở $\geq 500$ m

5.2. Bảng chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu tại các điểm dân cư nông thôn của xã:

STT	Loại đất	TCVN 4454:2012 (m <sup>2</sup> /người)	QCVN 01:2021/BXD (m <sup>2</sup> /người)	Đề án đề xuất chọn (m <sup>2</sup> /người)
01	Đất ở (các lô đất ở gia đình)	40 - 50	$\geq 25$	40 - 50
02	Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng	10 - 12	$\geq 5$	10 - 12
03	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	10 - 12	$\geq 5$	10 - 12
04	Đất cây xanh công cộng	6 - 9	$\geq 2$	6 - 9
05	Đất nông lâm ngư nghiệp, đất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp. phục vụ sản xuất.	Tùy thuộc vào quy hoạch phát triển của địa phương	Tùy thuộc vào quy hoạch phát triển của địa phương	4 - 17
	<b>Tổng cộng</b>	<b><math>\geq 66 - \geq 83</math></b>	<b><math>\geq 37</math></b>	<b>70 - 100</b>

## 6. Phân khu chức năng

Các điểm dân cư nông thôn của một xã gồm các khu chức năng chủ yếu sau:

- + Đất ở và công trình phục vụ.
- + Trung tâm xã.
- + Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất.
- + Các công trình hạ tầng xã hội của xã.
- + Các công trình kỹ thuật hạ tầng của xã.

### 6.1. Đất ở nông thôn

- Kế thừa hiện trạng phân bố dân cư, phù hợp với quy hoạch mạng lưới phân bố dân cư.

- Dân số tại một điểm dân cư thích hợp, thuận lợi tổ chức các công trình công cộng cần thiết như nhà trẻ, trường tiểu học, cơ sở dịch vụ...

- Phù hợp với đất đai, địa hình, địa vật tự nhiên như giao thông, kênh rạch để phân định ranh giới.

### 6.2. Trung tâm xã



Tại khu trung tâm bố trí các công trình quan trọng phục vụ nhu cầu giao dịch hành chính, các công trình giáo dục, công trình y tế, hạ tầng viễn thông, mua bán, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, văn hóa – thể dục thể thao.

### 6.3. Khu sản xuất, tiểu thủ công nghiệp

- Quy hoạch công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phù hợp với tiềm năng của xã.

- Phải tuân thủ quy định về sử dụng đất và môi trường như đối với khu du lịch sinh thái, các dự án năng lượng điện gió,...

### 6.4. Cây xanh

- Kết hợp giữa lợi ích kinh tế với các yêu cầu cải thiện môi trường sinh thái, quốc phòng an ninh.

- Kết hợp với quy hoạch trồng cây ven đường, khuôn viên hộ gia đình, cây phòng chống xói mòn để tạo thành một hệ thống cây xanh trong xã.

## 7. Quản lý kiến trúc

Không gian kiến trúc của các điểm dân cư nông thôn cần được nghiên cứu phù hợp với cấu trúc tự nhiên và khai thác các yếu tố đặc thù của xã tạo được hình ảnh đặc trưng cho từng điểm dân cư nông thôn và phù hợp với chức năng sử dụng của từng hạng mục công trình.

## 8. Định hướng tổ chức không gian xã

Trên cơ sở hiện trạng và phân tích đánh giá, xác định gồm 3 điểm dân cư, trong đó 01 điểm trung tâm xã, 2 điểm dân cư và 4 tuyến dân cư.

### 8.1. Điểm dân cư số 1 (Trung tâm xã)

- Quy mô dân số đến 2030 khoảng 3.300 dân.

- Quy mô sử dụng đất khoảng 32 ha.

- Vị trí: tại ấp Chợ Thủ A và ấp Chợ Thủ B.

### 8.2. Điểm dân cư số 2 – Điểm dân cư Ông Kiêng

- Quy mô dân số khoảng: 300 dân.

- Quy mô diện tích khoảng: 3 ha.

- Vị trí: Gần điểm giao của sông Hóc Năng – sông Đường Kéo.

### 8.3. Điểm dân cư số 3 – Điểm dân cư Chợ Thủ B

- Quy mô dân số khoảng: 250 dân.

- Quy mô diện tích khoảng: 2,5 ha.

- Vị trí: tại ấp Chợ Thủ B.

### 8.4. Tuyến dân cư 1 – Tuyến dân cư Hóc Năng

- Quy mô dân số khoảng: 200 dân.

- Quy mô diện tích khoảng: 2ha.

- Vị trí: gần điểm giao của sông Hóc Năng – sông Đường Kéo.

### 8.5. Tuyến dân cư 2 – Tuyến dân cư Tân Tạo

*Đây là điểm dân cư Tân Tạo hiện trạng phát triển nối dài thành tuyến dân cư*

- Quy mô dân số khoảng: 250 dân.

- Quy mô diện tích khoảng: 2,5 ha

- Vị trí: tại ấp Tân Tạo, dọc sông Cửa Lớn.

8.6. *Tuyến dân cư 3- Tuyến dân cư dọc đường ĐH.70:*

- Quy mô dân số khoảng: 3.000 dân phân bố thưa đều.
- Quy mô diện tích khoảng: 80 ha
- Vị trí: dọc theo tuyến ĐH.70.

8.7. *Tuyến dân cư 4 Dọc theo sông Cửa Lớn*

- Quy mô dân số khoảng: 3.000 dân phân bố thưa đều.
- Quy mô diện tích khoảng: 86,5 ha.
- Vị trí: dọc theo tuyến sông Cửa Lớn.

**9. Quy hoạch sử dụng đất**

Quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn xã phải phù hợp với định hướng sử dụng đất của huyện Ngọc Hiền đến 2030 như sau:

**BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030**

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020	Giai đoạn đến 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>11,175.30</b>	<b>11,175.30</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>9,326.17</b>	<b>8,808.02</b>
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA		
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	441.20	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1,758.93	1,598.11
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	6,960.42	6,910.55
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		133.73
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	165.62	165.62
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>884.28</b>	<b>1,402.44</b>
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	3.07	10.65
2.2	Đất an ninh	CAN		0.20
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1.19	2.96
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		0.23
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	128.19	410.91
	Trong đó:			
-	Đất giao thông	DGT	79.70	311.15
-	Đất thủy lợi	DTL	42.23	50.23
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1.11	0.44
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0.46	0.46
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3.22	3.22



-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT		7.52
-	Đất công trình năng lượng	DNL		21.99
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0.03	0.03
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA		11.70
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON		
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng	NTD	1.27	3.50
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	0.18	0.68
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1.84	2.68
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	60.14	285.01
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0.95	0.82
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0.41	0.48
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN		
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	688.49	688.49
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>964.85</b>	<b>964.85</b>
<b>II</b>	<b>KHU CHỨC NĂNG*</b>			
<b>1</b>	<i>Đất khu công nghệ cao</i>	<b>KCN</b>		
<b>2</b>	<i>Đất khu kinh tế</i>	<b>KKT</b>		
<b>3</b>	<i>Đất đô thị</i>	<b>KDT</b>		
<b>4</b>	<i>Khu sản xuất nông nghiệp (Khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)</i>	<b>KNN</b>		
<b>5</b>	<i>Khu lâm nghiệp (Khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)</i>	<b>KLN</b>		<b>8,508.67</b>
<b>6</b>	<i>Khu du lịch</i>	<b>KDL</b>		
<b>7</b>	<i>Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i>	<b>KBT</b>		
<b>8</b>	<i>Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)</i>	<b>KPC</b>		
<b>9</b>	<i>Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)</i>	<b>DTC</b>		
<b>10</b>	<i>Khu thương mại - dịch vụ</i>	<b>KTM</b>		<b>2.96</b>
<b>11</b>	<i>Khu đô thị - thương mại - dịch vụ</i>	<b>KDV</b>		
<b>12</b>	<i>Khu dân cư nông thôn</i>	<b>DNT</b>		<b>285.01</b>
<b>13</b>	<i>Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn</i>	<b>KON</b>		<b>285.24</b>

## 10. Quy hoạch sản xuất

Căn cứ vào hiện trạng cũng như kế hoạch sử dụng đất của huyện Ngọc Hiển đến năm 2030, xã Tam Giang Tây sản xuất chủ yếu là trồng rừng và kết hợp nuôi trồng thủy sản. Quy hoạch sản xuất xã Tam Giang Tây chia làm 2 khu vực:

- Vùng rừng sản xuất: Vị trí từ tuyến ĐH.70 đến sông Cửa Lớn về hướng Bắc.
- Vùng nuôi trồng thủy sản: Dọc theo sông Cửa Lớn và một phần dọc biển Đông thuộc đất bằng chưa sử dụng giáp biển Đông chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản.



- Xây dựng kế hoạch sản xuất ngư, lâm, nông phù hợp với vùng đất, theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Phát huy lợi thế của xã nằm trong vùng sản xuất ngư, lâm, nông của huyện đặc biệt là lâm nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản, khuyến khích người dân gắn liền sản xuất kinh tế nuôi trồng thủy sản nâng cao năng suất, sản xuất có hiệu quả nâng cao đời sống người dân.

- Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tập thể, kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình trên địa bàn xã, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư bao tiêu sản phẩm, góp phần tăng giá trị hàng hóa nhằm tăng thu nhập cho người dân.

- Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong ngư - lâm nghiệp, và chăn nuôi.

- Để nhằm hỗ trợ người dân trong quá trình sản xuất, xã cần phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện mở nhiều lớp tập huấn chuyên môn, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực ngư nghiệp, tôm nuôi tự nhiên, tôm công nghiệp. Xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả để nhân dân học tập kinh nghiệm, hỗ trợ phát triển.

## 11. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

### 11.1. Hệ thống giao thông

**a. Giao thông thủy:** Hệ thống giao thông thủy chính của xã bao gồm các tuyến chính như sau: sông Cửa Lớn, sông Bà Bằng, sông Thủ, rạch Cái Chồn, rạch Bảo Vĩ... và các tuyến khác liên thông với các xóm, ấp.

### b. Giao thông đường bộ

- **Đường huyện (trục xã, liên xã):** Quy hoạch định hướng đến năm 2030 tối thiểu đạt cấp VI-DB.

- **Đường xã (trục ấp – liên ấp) quy hoạch đến năm 2030:** tối thiểu cấp C (GTNT), đảm bảo ô tô lưu thông.

- **Đường ngõ, xóm: quy hoạch đến năm 2030:** Đạt 100% đảm bảo đi lại thuận tiện và được cứng hóa theo tỷ lệ quy định về nông thôn mới, tối thiểu đạt cấp D (GTNT).

- **Cầu trên đường:** Đến năm 2030, định hướng quy hoạch cầu phải cùng cấp với tuyến đường đang liên kết.

Khu vực trung tâm xã: Hệ thống giao thông trên không bao gồm hệ thống giao thông trong khu vực trung tâm xã, khu vực trung tâm xã sẽ có mặt cắt lộ giới theo đồ án Quy hoạch trung tâm xã Tam Giang Tây đã được phê duyệt.

Trong trường hợp có tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư đầu nối giao thông vào các tuyến giao thông hoặc mở các bên thủy nội địa trên địa bàn xã thì cần phải tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn hiện hành và phải được sự cấp phép của cấp thẩm quyền.

**BẢNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG XÃ TAM GIANG TÂY ĐẾN NĂM 2030**

	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài	Quy hoạch đến năm 2030		
					Kết cấu mặt	Loại (cấp)	Lộ giới
A	Đường hiện trạng nâng cấp, mở rộng kéo dài						
I	Đường Huyện (Trục xã, liên xã)			13,8			
I	Đường trung tâm xã - ĐH.70	Cầu Võ Văn Thuật	Trung Tâm Xã	13,8	Nhựa(BT)	Tối thiểu VI-DB	30
II	Đường trục ấp, liên ấp			20,0			



-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT		7.52
-	Đất công trình năng lượng	DNL		21.99
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0.03	0.03
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA		11.70
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON		
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng	NTD	1.27	3.50
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	0.18	0.68
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1.84	2.68
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	60.14	285.01
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0.95	0.82
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0.41	0.48
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN		
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	688.49	688.49
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>964.85</b>	<b>964.85</b>
<b>II</b>	<b>KHU CHỨC NĂNG*</b>			
<b>1</b>	<i>Đất khu công nghệ cao</i>	<b>KCN</b>		
<b>2</b>	<i>Đất khu kinh tế</i>	<b>KKT</b>		
<b>3</b>	<i>Đất đô thị</i>	<b>KDT</b>		
<b>4</b>	<i>Khu sản xuất nông nghiệp (Khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)</i>	<b>KNN</b>		
<b>5</b>	<i>Khu lâm nghiệp (Khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)</i>	<b>KLN</b>		<b>8,508.67</b>
<b>6</b>	<i>Khu du lịch</i>	<b>KDL</b>		
<b>7</b>	<i>Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i>	<b>KBT</b>		
<b>8</b>	<i>Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)</i>	<b>KPC</b>		
<b>9</b>	<i>Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)</i>	<b>DTC</b>		
<b>10</b>	<i>Khu thương mại - dịch vụ</i>	<b>KTM</b>		<b>2.96</b>
<b>11</b>	<i>Khu đô thị - thương mại - dịch vụ</i>	<b>KDV</b>		
<b>12</b>	<i>Khu dân cư nông thôn</i>	<b>DNT</b>		<b>285.01</b>
<b>13</b>	<i>Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn</i>	<b>KON</b>		<b>285.24</b>

### 10. Quy hoạch sản xuất

Căn cứ vào hiện trạng cũng như kế hoạch sử dụng đất của huyện Ngọc Hiền đến năm 2030, xã Tam Giang Tây sản xuất chủ yếu là trồng rừng và kết hợp nuôi trồng thủy sản. Quy hoạch sản xuất xã Tam Giang Tây chia làm 2 khu vực:

- Vùng rừng sản xuất: Vị trí từ tuyến ĐH.70 đến sông Cửa Lớn về hướng Bắc.
- Vùng nuôi trồng thủy sản: Dọc theo sông Cửa Lớn và một phần dọc biển Đông thuộc đất băng chưa sử dụng giáp biển Đông chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản.



- Xây dựng kế hoạch sản xuất ngư, lâm, nông phù hợp với vùng đất, theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Phát huy lợi thế của xã nằm trong vùng sản xuất ngư, lâm, nông của huyện đặc biệt là lâm nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản, khuyến khích người dân gắn liền sản xuất kinh tế nuôi trồng thủy sản nâng cao năng suất, sản xuất có hiệu quả nâng cao đời sống người dân.

- Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tập thể, kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình trên địa bàn xã, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư bao tiêu sản phẩm, góp phần tăng giá trị hàng hóa nhằm tăng thu nhập cho người dân.

- Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong ngư - lâm nghiệp, và chăn nuôi.

- Để nhằm hỗ trợ người dân trong quá trình sản xuất, xã cần phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện mở nhiều lớp tập huấn chuyên môn, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực ngư nghiệp, tôm nuôi tự nhiên, tôm công nghiệp. Xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả để nhân dân học tập kinh nghiệm, hỗ trợ phát triển.

## 11. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

### 11.1. Hệ thống giao thông

**a. Giao thông thủy:** Hệ thống giao thông thủy chính của xã bao gồm các tuyến chính như sau: sông Cửa Lớn, sông Bà Bường, sông Thủ, rạch Cái Chôn, rạch Bảo Vĩ... và các tuyến khác liên thông với các xóm, ấp.

### b. Giao thông đường bộ

- **Đường huyện (trục xã, liên xã):** Quy hoạch định hướng đến năm 2030 tối thiểu đạt cấp VI-DB.

- **Đường xã (trục ấp – liên ấp) quy hoạch đến năm 2030:** tối thiểu cấp C (GTNT), đảm bảo ô tô lưu thông.

- **Đường ngõ, xóm: quy hoạch đến năm 2030:** Đạt 100% đảm bảo đi lại thuận tiện và được cứng hóa theo tỷ lệ quy định về nông thôn mới, tối thiểu đạt cấp D (GTNT).

- **Cầu trên đường:** Đến năm 2030, định hướng quy hoạch cầu phải cùng cấp với tuyến đường đang liên kết.

Khu vực trung tâm xã: Hệ thống giao thông trên không bao gồm hệ thống giao thông trong khu vực trung tâm xã, khu vực trung tâm xã sẽ có mặt cắt lộ giới theo đồ án Quy hoạch trung tâm xã Tam Giang Tây đã được phê duyệt.

Trong trường hợp có tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư đầu nối giao thông vào các tuyến giao thông hoặc mở các bến thủy nội địa trên địa bàn xã thì cần phải tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn hiện hành và phải được sự cấp phép của cấp thẩm quyền.

**BẢNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG XÃ TAM GIANG TÂY ĐẾN NĂM 2030**

	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài	Quy hoạch đến năm 2030		
					Kết cấu mặt	Loại (cấp)	Lộ giới
A	Đường hiện trạng nâng cấp, mở rộng kéo dài						
I	Đường Huyện (Trục xã, liên xã)			13,8			
I	Đường trung tâm xã - ĐH.70	Cầu Võ Văn Thuật	Trung Tâm Xã	13,8	Nhựa(BT)	Tối thiểu VI-DB	30
II	Đường trục ấp, liên ấp			20,0			



1	Đường Trục liên ấp Chợ Thủ B	Vàm Xéo Đứng	Trạm biên phòng	3,0	BTXM	C-B	20
2	Đường Trục liên ấp Đường Kéo, Dinh Cũ, Kại Lá, Ba Nhất, Xí Nghiệp	Vàm Thầy Đội	Vàm Cá Nây nhỏ	12,1	BTXM	C-B	20
3	Đường trục ấp Tân Tạo.	Cty LN Ngọc Hiến	Đường Thầy Đội	4,9	BTXM	C-B	20

### 11.2. Hệ thống cấp nước

- Trên cơ sở phân bố dân cư, các điều kiện kinh tế - kỹ thuật, xây dựng các hệ thống cấp nước tập trung cho các điểm dân cư như: Trung tâm xã, điểm dân cư tập trung. Với các hộ dân sống phân tán theo các trục giao thông thủy, bộ; triển khai các giếng khoan có công suất, hệ thống xử lý nước phù hợp.

- Trạm cấp nước tại trung tâm xã có công suất tối thiểu 200m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Trạm cấp nước tại điểm dân cư tập trung và tuyến dân cư có công suất phù hợp với tình hình thực tế.

### 11.3. Hệ thống san nền, thoát nước mưa

\* San nền:

- San đắp nền: Cao độ san nền tại khu vực trung tâm xã và các điểm dân cư, Tuyến dân cư phát triển là : +2,40 m

- Quy hoạch san đắp nền phải đảm bảo thoát nước mưa, giao thông đi lại thuận tiện, an toàn.

- Chỉ tiến hành san đắp nền khi đã xác định vị trí quy hoạch xây dựng công trình và có quy hoạch thoát nước mưa.

\* Thoát nước mưa: Hướng thoát nước là về hệ thống mương thủy lợi và cuối cùng là thoát sông Cửa Lớn, rạch Thủ, sông Bồ Đề. Mạng lưới mương thoát nước tại trung tâm xã được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông.

### 11.4. Hệ thống các công trình cấp điện, thông tin liên lạc

\* Cấp điện:

- Nguồn cấp: Nguồn cấp điện cho xã Tam Giang Tây được lấy từ trạm 110KV tại huyện Ngọc Hiến.

- Mạng lưới cấp điện:

+ Mạng lưới điện trung và hạ thế khi vượt vương tôm, kênh, rạch cần đảm bảo độ an toàn theo quy định.

+ Lưới điện phân phối trung áp phải được xây dựng theo hướng quy hoạch lâu dài với cấp điện chuẩn là 22kV và 35kV.

+ Quy hoạch tuyến điện trong các điểm dân cư phải gắn liền với quy hoạch cải tạo kiến trúc, cải tạo đường giao thông, ao hồ.

\* Hệ thống thông tin liên lạc: Trên toàn bộ xã Tam Giang Tây được Công ty Viễn thông Cà Mau đầu nối và quản lý về kỹ thuật cũng như trong quá trình vận hành.

### 11.5. Quy hoạch về thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung cho khu vực trung tâm xã Tam Giang Tây.

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình và hộ dân sau khi được xử lý cục bộ bằng hầm tự hoại theo các tuyến cống nhánh thoát chung với nước mưa ra kênh, mương bên ngoài.

- Chất thải rắn: Đối với khu vực mật độ dân cư thấp nên chọn giải pháp tự xử lý tại gia đình thông qua các hình thức như tổ hợp vườn, ao, chuồng; thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân huỷ; hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

- Quy hoạch các điểm tập kết rác thải nằm trên tuyến đường liên ấp, sau đó thu gom và di chuyển về bãi rác quy hoạch của huyện tại ấp Đường Kéo.

#### 11.6. Quy hoạch về nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

Nghĩa trang và cơ sở hỏa táng của xã quy hoạch diện tích 3,5 ha tại ấp Đường Kéo.

### 12. Dự án ưu tiên thực hiện và nguồn vốn

#### 12.1. Dự án ưu tiên thực hiện

##### \* Giai đoạn 2021 – 2025

- Nâng cấp mở rộng tuyến đường Huyện, đường Huyện dự kiến đảm bảo đồng bộ; các tuyến đường xã, trục ấp, liên ấp.

- Xây dựng một số tuyến đường trong trung tâm xã theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt còn phù hợp đến thời điểm hiện tại.

- Nâng cấp mở rộng, nối dài các tuyến đường hiện trạng bên cạnh đó quy hoạch mới một số tuyến phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

- Đầu tư bền thủy nội địa trên các tuyến sông, kênh rạch theo quy hoạch. Trên địa bàn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật ứng phó biến đổi khí hậu và tạo cảnh quan như bờ kè, đê chắn,....

- Triển khai một số dự án trên địa bàn xã như: Bền xe xã Tam Giang Tây, các dự án điện gió,....

##### \* Giai đoạn 2026 – 2030

Ưu tiên đầu tư các tuyến Đường theo đúng quy hoạch và nâng cấp các điểm trường đạt chuẩn; nâng cấp trung tâm văn hóa đạt chuẩn.

Quy hoạch nâng cấp các hạng mục theo kế hoạch sử dụng đất của huyện trên địa bàn xã theo đúng tiêu chuẩn và quy định hiện hành.

#### 12.2. Nguồn vốn

Gồm vốn ngân sách tỉnh, huyện và nguồn vốn xã hội hóa công trình dịch vụ công cộng.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ngọc Hiển chịu trách nhiệm phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Tam Giang Tây và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố quy hoạch để cá nhân, tổ chức và cơ quan được biết và cùng thực hiện.
2. Tổ chức cắm mốc hệ thống giao thông trục chính, các vùng cấm xây dựng ra thực địa theo quy định.
3. Tổ chức quản lý quy hoạch theo “Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển” được ban hành kèm theo Quyết định này.

### Điều 3. Điều khoản thi hành



Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện Ngọc Hiển, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Tam Giang Tây và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của UBND huyện Ngọc Hiển về việc phê duyệt đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT. *nh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Trần Hoàng Lạc*

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**  
**Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung**  
**xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, do Công ty Cổ phần Tư vấn – Thiết kế xây dựng Kiến Trúc Xanh (đơn vị tư vấn) thực hiện.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng báo cáo kết quả thẩm định Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, với các nội dung như sau:

**A. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
  - Luật Xây dựng đã được hợp nhất tại văn bản số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;
  - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
  - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
  - Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn quy hoạch xây dựng nông thôn;
  - Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030
  - Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/08/2012 của UBND huyện Ngọc Hiển về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau;
- Căn cứ Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 26/05/2021 của UBND Huyện Ngọc Hiển về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán điều chỉnh Quy hoạch chung xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.
- Căn cứ Kế hoạch 36 ngày 05/07/2021 của Huyện Ủy Ngọc Hiển về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông huyện Ngọc Hiển giai đoạn 2021-2025.



- Biên bản số 62/BB-HĐTĐH ngày 26/11/2021 của Hội đồng thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng cấp huyện về việc thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau;

- Căn cứ Biên bản Tổng hợp ngày 08/12/2021 về việc tổng hợp ý kiến đóng góp của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư đối với Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ngọc Hiển,

- Nghị quyết 16/NQ-HĐND, ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Tam Giang Tây về việc thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Văn bản giải trình ý kiến Hội đồng thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng cấp huyện thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau của Đơn vị tư vấn và Phòng Kinh tế và Hạ tầng ngày 09/12/2021;

- Căn cứ Công văn số 3707/SXD-QHĐT ngày 17/12/2021 của Sở Xây dựng về việc thoả thuận phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

## **B. PHÁP NHÂN VÀ NĂNG LỰC ĐƠN VỊ TƯ VẤN**

Đơn vị tư vấn thực hiện đồ án là Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến Trúc Xanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2000616628 đăng ký lần đầu ngày 08/5/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/01/2019, do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Địa chỉ: Số 83, đường Nguyễn Ngọc Sanh, phường 5, thành phố Cà Mau. Giám đốc: Ông Trần Hữu Minh.

Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số CAM-00007219 do Sở Xây dựng Cà Mau cấp ngày 08/01/2018. Phạm vi hoạt động xây dựng: Lập quy hoạch xây dựng hạng II.

Chủ nhiệm đồ án: Ông Trần Hữu Minh tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kiến trúc tại trường Đại học Kiến trúc TP Hồ Chí Minh. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-000110398 cấp ngày 27/9/2017. Phạm vi hoạt động thiết kế quy hoạch công trình hạng I.

Các thành viên tham gia chủ trì bộ môn HTKT và thiết kế đồ án có chứng chỉ hành nghề còn trong thời hạn cho phép hoạt động.

## **C. NỘI DUNG ĐỒ ÁN QUY HOẠCH**

Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau được tổ chức lập theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ và Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng.

Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa hồ sơ theo ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định đồ án quy hoạch huyện Ngọc Hiển.

### **1. Vị trí, ranh giới, diện tích:**



- *Vị trí:* Toàn bộ ranh giới hành chính xã Tam Giang Tây, bao gồm 10 ấp: ấp Chợ Thủ A, ấp Chợ Thủ B, ấp Voi Vàm, ấp Bảo Vĩ, ấp Đường Kéo, ấp Tân Tạo, ấp Dinh Củ, ấp Ba Nhất, ấp Khai Lá, ấp Xí Nghiệp.

- *Ranh giới:* Được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp: xã Tam Giang và Tam Giang Đông, huyện Năm Căn.

+ Phía Nam giáp: xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển.

+ Phía Đông giáp: Giáp Biển Đông.

+ Phía Tây giáp: xã Tân Tân Tây, huyện Ngọc Hiển.

Diện tích điều chỉnh quy hoạch: **11.175,30** ha

## **2. Mục tiêu quy hoạch**

### **\* Mục tiêu quy hoạch**

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

- Quy hoạch vị trí, quy mô trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung hợp lý.

- Quy hoạch hệ thống trục khung giao thông, các trục liên ấp, kết nối trung tâm xã với các điểm dân cư hợp lý nhất.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp cho toàn xã.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội, đặc biệt là các công trình giáo dục đảm bảo quy mô, vị trí, cũng như cơ sở vật chất văn hóa, chọn các trường trung tâm để đạt tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia.

- Sớm đạt được các tiêu chí về nông thôn mới.

## **3. Tính chất**

- Là xã có thế mạnh kinh tế về đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, trong đó các hoạt động trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng...được phát triển mạnh mẽ. Là khu vực phát triển nuôi trồng thủy sản và cung cấp sản phẩm thủy sản cho các địa phương lân cận.

- Chức năng của xã là một trong những đơn vị hành chính của huyện Ngọc Hiển; trong đó, trung tâm xã được xác định là Trung tâm hành chính - văn hóa, giáo dục và xã hội của toàn xã.

- Kinh tế chủ đạo của xã là ngư nghiệp chuyên đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, trồng rừng sản xuất và nuôi thủy sản dưới tán rừng.

## **4. Dự báo dân số, lao động**

- Quy mô dân số hiện trạng năm 2020 là: 9.157 dân.

- Quy mô dân số dự báo đến năm 2025: 9.672 dân, trong độ tuổi lao động: 8.222 người.

- Quy mô dân số dự báo đến năm 2030: 10.226 dân, trong độ tuổi lao động: 8.692 người.

## **5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản được áp dụng**

### **5.1. Bảng chỉ tiêu quy hoạch xây dựng nông thôn mới**

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu
	Quy hoạch các điểm dân cư nông thôn	



Stt	Nội dung	Chỉ tiêu
1	Đất ở	Hộ tại cụm, tuyến: > 100 m <sup>2</sup> /hộ Hộ phi nông nghiệp: > 200 m <sup>2</sup> /hộ Hộ ở kết hợp vườn: 500 – 1.500 m <sup>2</sup> /hộ
2	Công sở cấp xã	Diện tích đất XD: > 1.000 m <sup>2</sup>
3	Nhà trẻ, trường mầm non	Diện tích đất XD: > 12 m <sup>2</sup> / chỗ Bán kính phục vụ: < 1 km Quy mô trường: 3 nhóm, lớp
4	Trường tiểu học	Diện tích đất XD: > 10 m <sup>2</sup> / chỗ Bán kính phục vụ: < 1 km Quy mô trường: > 5 lớp Quy mô lớp: > 15 học sinh
5	Trường THCS	Diện tích đất XD: > 10 m <sup>2</sup> / chỗ Quy mô trường: > 4 lớp Quy mô lớp: < 45 học sinh
6	Trạm y tế xã	Diện tích đất XD: 500-1000 m <sup>2</sup> /trạm + Không có vườn thuốc: > 500 m <sup>2</sup> /trạm + Có vườn thuốc: > 1.000 m <sup>2</sup> /trạm
7	Trung tâm văn hóa, thể thao	Diện tích đất XD: + Nhà văn hóa xã: > 1.000 m <sup>2</sup> /công trình + Phòng truyền thống: > 200 m <sup>2</sup> /công trình + Nhà văn hóa ấp: ≥ 300 m <sup>2</sup> + Thư viện: > 200 m <sup>2</sup> /công trình + Hội trường: > 200 m <sup>2</sup> /công trình Cụm các CT thể thao, > 5.000 m <sup>2</sup> / cụm Bao gồm: + Sân tập đa năng, sân tập riêng các môn + Nhà thể thao + Bể hoặc hồ bơi
8	Chợ, cửa hàng dịch vụ	Quy mô diện tích: 1500 m <sup>2</sup> /chợ/xã Bán kính phục vụ: < 1200 m 1 công trình/khu trung tâm: > 300 m <sup>2</sup>
9	Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	Diện tích đất XD: > 150 m <sup>2</sup> /điểm
	Bãi chôn lấp chất thải rắn (bao gồm khu chôn lấp, khu xử lý nước rác và khu phụ trợ)	Khoảng cách ly vệ sinh: + Đến khu dân cư: > 3000m + Đến CT xây dựng khác: > 1000 m + DT bãi chôn lấp: > 1 ha
10	Cây xanh công cộng (bao gồm cây xanh vườn hoa trong khu trung tâm xã, vườn cây ăn quả, vườn ươm, cây xanh cách ly)	Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng: > 2 m <sup>2</sup> /người
11	Đường giao thông nông thôn	Đường từ huyện đến xã, đường liên xã: Tối thiểu Cấp VI-ĐB. Đường trục ấp, liên ấp: Cấp C-B (GTNT) Đường ngõ, xóm nhánh: Cấp D-C (GTNT)
12	Cấp nước	Nhà có thiết bị vệ sinh và đường ống cấp thoát nước: ≥ 80 lít/người/ngày Nhà chỉ có đường ống dẫn đến và vòi nước gia đình: ≥ 60 lít/người/ngày

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu
		Lấy nước ở vòi công cộng: $\geq 40$ lít/người/ngày
13	Cấp điện	$\geq 50\%$ chỉ tiêu của đô thị loại V Điện năng : 200 KWh/người.năm; 500 KWh/ng.năm (sau 10 năm) Phụ tải : 150 W/người Nhu cầu điện cho công trình CC trong các điểm DCNT $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt
14	Thoát nước thải	Thu gom nước thải phải đạt $\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước Thu gom chất thải rắn 0,8 – 1kg/người/ngày với tỷ lệ thu gom $\geq 85 - 95\%$ Nghĩa trang xây dựng mới phải đặt cách khu ở $\geq 500$ m

5.2. Bảng chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu tại các điểm dân cư nông thôn của xã:

STT	Loại đất	TCVN 4454:2012 (m <sup>2</sup> /người)	QCVN 01:2021/BXD (m <sup>2</sup> /người)	Đề án đề xuất chọn (m <sup>2</sup> /người)
01	Đất ở (các lô đất ở gia đình)	40 - 50	$\geq 25$	40 - 50
02	Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng	10 - 12	$\geq 5$	10 - 12
03	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	10 - 12	$\geq 5$	10 - 12
04	Đất cây xanh công cộng	6 - 9	$\geq 2$	6 - 9
05	Đất nông lâm ngư nghiệp, đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. phục vụ sản xuất.	Tùy thuộc vào quy hoạch phát triển của địa phương	Tùy thuộc vào quy hoạch phát triển của địa phương	4 - 17
	<b>Tổng cộng</b>	<b><math>\geq 66 - \geq 83</math></b>	<b><math>\geq 37</math></b>	<b>70 - 100</b>

## 6. Phân khu chức năng

Các điểm dân cư nông thôn của một xã gồm các khu chức năng chủ yếu sau:

- + Đất ở và công trình phục vụ.
- + Trung tâm xã.
- + Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất.
- + Các công trình hạ tầng xã hội của xã.
- + Các công trình kỹ thuật hạ tầng của xã.

### 6.1. Đất ở nông thôn

- Kế thừa hiện trạng phân bố dân cư, phù hợp với quy hoạch mạng lưới phân bố dân cư.

- Dân số tại một điểm dân cư thích hợp, thuận lợi tổ chức các công trình công cộng cần thiết như nhà trẻ, trường tiểu học, cơ sở dịch vụ...

- Phù hợp với đất đai, địa hình, địa vật tự nhiên như giao thông, kênh rạch để phân định ranh giới.

### 6.2. Trung tâm xã



Tại khu trung tâm bố trí các công trình quan trọng phục vụ nhu cầu giao dịch hành chính, các công trình giáo dục, công trình y tế, hạ tầng viễn thông, mua bán, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, văn hóa – thể dục thể thao.

#### 6.3. Khu sản xuất, tiểu thủ công nghiệp

- Quy hoạch công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phù hợp với tiềm năng của xã.

- Phải tuân thủ quy định về sử dụng đất và môi trường như đối với khu du lịch sinh thái, các dự án năng lượng điện gió,...

#### 6.4. Cây xanh

- Kết hợp giữa lợi ích kinh tế với các yêu cầu cải thiện môi trường sinh thái, quốc phòng an ninh.

- Kết hợp với quy hoạch trồng cây ven đường, khuôn viên hộ gia đình, cây phòng chống xói mòn để tạo thành một hệ thống cây xanh trong xã.

### 7. Quản lý kiến trúc

Không gian kiến trúc của các điểm dân cư nông thôn cần được nghiên cứu phù hợp với cấu trúc tự nhiên và khai thác các yếu tố đặc thù của xã tạo được hình ảnh đặc trưng cho từng điểm dân cư nông thôn và phù hợp với chức năng sử dụng của từng hạng mục công trình.

### 8. Định hướng tổ chức không gian xã

Trên cơ sở hiện trạng và phân tích đánh giá, xác định gồm 3 điểm dân cư, trong đó 01 điểm trung tâm xã, 2 điểm dân cư và 4 tuyến dân cư.

#### 8.1. Điểm dân cư số 1 (Trung tâm xã)

- Quy mô dân số đến 2030 khoảng 3.300 dân.

- Quy mô sử dụng đất khoảng 32 ha.

- Vị trí: tại ấp Chợ Thủ A và ấp Chợ Thủ B.

#### 8.2. Điểm dân cư số 2 – Điểm dân cư Ông Kiểng

- Quy mô dân số khoảng: 300 dân.

- Quy mô diện tích khoảng: 3 ha.

- Vị trí: Gần điểm giao của sông Hóc Năng – sông Đường Kéo.

#### 8.3. Điểm dân cư số 3 – Điểm dân cư Chợ Thủ B

- Quy mô dân số khoảng: 250 dân.

- Quy mô diện tích khoảng: 2,5 ha.

- Vị trí: tại ấp Chợ Thủ B.

#### 8.4. Tuyến dân cư 1 – Tuyến dân cư Hóc Năng

- Quy mô dân số khoảng: 200 dân.

- Quy mô diện tích khoảng: 2ha.

- Vị trí: gần điểm giao của sông Hóc Năng – sông Đường Kéo.

#### 8.5. Tuyến dân cư 2 – Tuyến dân cư Tân Tạo

Đây là điểm dân cư Tân Tạo hiện trạng phát triển nối dài thành tuyến dân cư

- Quy mô dân số khoảng: 250 dân.

- Quy mô diện tích khoảng: 2,5 ha

- Vị trí: tại ấp Tân Tạo, dọc sông Cửa Lớn.

8.6. *Tuyến dân cư 3– Tuyến dân cư dọc đường ĐH.70:*

- Quy mô dân số khoảng: 3.000 dân phân bố thưa đều.

- Quy mô diện tích khoảng: 80 ha

- Vị trí: dọc theo tuyến ĐH.70.

8.7. *Tuyến dân cư 4 Dọc theo sông Cửa Lớn*

- Quy mô dân số khoảng: 3.000 dân phân bố thưa đều.

- Quy mô diện tích khoảng: 86,5 ha.

- Vị trí: dọc theo tuyến sông Cửa Lớn.

**9. Quy hoạch sử dụng đất**

Quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn xã phải phù hợp với định hướng sử dụng đất của huyện Ngọc Hiển đến 2030 như sau:

**BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030**

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020	Giai đoạn đến 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>11,175.30</b>	<b>11,175.30</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>9,326.17</b>	<b>8,808.02</b>
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA		
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	441.20	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1,758.93	1,598.11
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	6,960.42	6,910.55
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		133.73
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	165.62	165.62
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>884.28</b>	<b>1,402.44</b>
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	3.07	10.65
2.2	Đất an ninh	CAN		0.20
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1.19	2.96
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		0.23
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	128.19	410.91
	Trong đó:			
-	Đất giao thông	DGT	79.70	311.15
-	Đất thủy lợi	DTL	42.23	50.23



-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1.11	0.44
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0.46	0.46
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3.22	3.22
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT		7.52
-	Đất công trình năng lượng	DNL		21.99
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0.03	0.03
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA		11.70
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON		
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng	NTD	1.27	3.50
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	0.18	0.68
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1.84	2.68
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	60.14	285.01
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0.95	0.82
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0.41	0.48
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN		
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	688.49	688.49
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>964.85</b>	<b>964.85</b>
<b>II</b>	<b>KHU CHỨC NĂNG*</b>			
<b>1</b>	<b>Đất khu công nghệ cao</b>	<b>KCN</b>		
<b>2</b>	<b>Đất khu kinh tế</b>	<b>KKT</b>		
<b>3</b>	<b>Đất đô thị</b>	<b>KDT</b>		
<b>4</b>	<b>Khu sản xuất nông nghiệp (Khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)</b>	<b>KNN</b>		
<b>5</b>	<b>Khu lâm nghiệp (Khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)</b>	<b>KLN</b>		<b>8,508.67</b>
<b>6</b>	<b>Khu du lịch</b>	<b>KDL</b>		
<b>7</b>	<b>Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</b>	<b>KBT</b>		
<b>8</b>	<b>Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)</b>	<b>KPC</b>		
<b>9</b>	<b>Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)</b>	<b>DTC</b>		
<b>10</b>	<b>Khu thương mại - dịch vụ</b>	<b>KTM</b>		<b>2.96</b>
<b>11</b>	<b>Khu đô thị - thương mại - dịch vụ</b>	<b>KDV</b>		
<b>12</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>DNT</b>		<b>285.01</b>
<b>13</b>	<b>Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn</b>	<b>KON</b>		<b>285.24</b>

## 10. Quy hoạch sản xuất



Căn cứ vào hiện trạng cũng như kế hoạch sử dụng đất của huyện Ngọc Hiền đến năm 2030, xã Tam Giang Tây sản xuất chủ yếu là trồng rừng và kết hợp nuôi trồng thủy sản. Quy hoạch sản xuất xã Tam Giang Tây chia làm 2 khu vực:

- Vùng rừng sản xuất: Vị trí từ tuyến ĐH.70 đến sông Cửa Lớn về hướng Bắc.
- Vùng nuôi trồng thủy sản: Dọc theo sông Cửa Lớn và một phần dọc biên Đông thuộc đất bằng chưa sử dụng giáp biển Đông chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất ngư, lâm, nông phù hợp với vùng đất, theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Phát huy lợi thế của xã nằm trong vùng sản xuất ngư, lâm, nông của huyện đặc biệt là lâm nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản, khuyến khích người dân gắn liền sản xuất kinh tế nuôi trồng thủy sản nâng cao năng suất, sản xuất có hiệu quả nâng cao đời sống người dân.

- Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tập thể, kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình trên địa bàn xã, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư bao tiêu sản phẩm, góp phần tăng giá trị hàng hóa nhằm tăng thu nhập cho người dân.

- Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong ngư - lâm nghiệp, và chăn nuôi.

- Để nhằm hỗ trợ người dân trong quá trình sản xuất, xã cần phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện mở nhiều lớp tập huấn chuyên môn, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực ngư nghiệp, tôm nuôi tự nhiên, tôm công nghiệp. Xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả để nhân dân học tập kinh nghiệm, hỗ trợ phát triển.

## **11. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật**

### **11.1. Hệ thống giao thông**

**a. Giao thông thủy:** Hệ thống giao thông thủy chính của xã bao gồm các tuyến chính như sau: sông Cửa Lớn, sông Bà Bằng, sông Thủ, rạch Cái Chồn, rạch Bảo Vĩ... và các tuyến khác liên thông với các xóm, ấp.

#### **b. Giao thông đường bộ**

- **Đường huyện (trục xã, liên xã):** Quy hoạch định hướng đến năm 2030 tối thiểu đạt cấp VI-ĐB.

- **Đường xã (trục ấp – liên ấp) quy hoạch đến năm 2030:** tối thiểu cấp C (GTNT), đảm bảo ô tô lưu thông.

- **Đường ngõ, xóm: quy hoạch đến năm 2030:** Đạt 100% đảm bảo đi lại thuận tiện và được cứng hóa theo tỷ lệ quy định về nông thôn mới, tối thiểu đạt cấp D (GTNT).

- **Cầu trên đường:** Đến năm 2030, định hướng quy hoạch cầu phải cùng cấp với tuyến đường đang liên kết.

Khu vực trung tâm xã: Hệ thống giao thông trên không bao gồm hệ thống giao thông trong khu vực trung tâm xã, khu vực trung tâm xã sẽ có mặt cắt lộ giới theo đồ án Quy hoạch trung tâm xã Tam Giang Tây đã được phê duyệt.

Trong trường hợp có tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư đầu nối giao thông vào các tuyến giao thông hoặc mở các bến thủy nội địa trên địa bàn xã thì cần phải tuân



thủ các quy định, tiêu chuẩn hiện hành và phải được sự cấp phép của cấp thẩm quyền.

### BẢNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG XÃ TAM GIANG TÂY ĐẾN NĂM 2030

A	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài	Quy hoạch đến năm 2030		
					Kết cấu mặt	Loại (cấp)	Lộ giới
	<b>Đường hiện trạng nâng cấp, mở rộng kéo dài</b>						
<b>I</b>	<b>Đường Huyện (Trục xã, liên xã)</b>			<b>13,8</b>			
1	Đường trung tâm xã - ĐH.70	Cầu Võ Văn Thuật	Trung Tâm Xã	13,8	Nhựa(BT)	Tối thiểu VI-ĐB	30
<b>II</b>	<b>Đường trục ấp, liên ấp</b>			<b>20,0</b>			
1	Đường Trục liên ấp Chợ Thủ B	Vàm Xèo Đứng	Trạm biên phòng	3,0	BTXM	C-B	20
2	Đường Trục liên ấp Đường Kéo, Dinh Cũ, Kại Lá, Ba Nhất, Xí Nghiệp	Vàm Thầy Đội	Vàm Cá Nảy nhỏ	12,1	BTXM	C-B	20
3	Đường trục ấp Tân Tạo.	Cty LN Ngọc Hiến	Đường Thầy Đội	4,9	BTXM	C-B	20

#### 11.2. Hệ thống cấp nước

- Trên cơ sở phân bố dân cư, các điều kiện kinh tế - kỹ thuật, xây dựng các hệ thống cấp nước tập trung cho các điểm dân cư như: Trung tâm xã, điểm dân cư tập trung. Với các hộ dân sống phân tán theo các trục giao thông thủy, bộ; triển khai các giếng khoan có công suất, hệ thống xử lý nước phù hợp.

- Trạm cấp nước tại trung tâm xã có công suất tối thiểu 200m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Trạm cấp nước tại điểm dân cư tập trung và tuyến dân cư có công suất phù hợp với tình hình thực tế.

#### 11.3. Hệ thống san nền, thoát nước mưa

\* San nền:

- San đắp nền: Cao độ san nền tại khu vực trung tâm xã và các điểm dân cư, Tuyến dân cư phát triển là : +2,40 m

- Quy hoạch san đắp nền phải đảm bảo thoát nước mưa, giao thông đi lại thuận tiện, an toàn.

- Chỉ tiến hành san đắp nền khi đã xác định vị trí quy hoạch xây dựng công trình và có quy hoạch thoát nước mưa.

\* Thoát nước mưa: Hướng thoát nước là về hệ thống mương thủy lợi và cuối cùng là thoát sông Cửa Lớn, rạch Thủ, sông Bồ Đề. Mạng lưới mương thoát nước tại trung tâm xã được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông.

#### 11.4. Hệ thống các công trình cấp điện, thông tin liên lạc

\* Cấp điện:

- Nguồn cấp: Nguồn cấp điện cho xã Tam Giang Tây được lấy từ trạm 110KV tại huyện Ngọc Hiến.

- Mạng lưới cấp điện:

+ Mạng lưới điện trung và hạ thế khi vượt ruộng, kênh, rạch cần đảm bảo độ an toàn theo quy định.



+ Lưới điện phân phối trung áp phải được xây dựng theo hướng quy hoạch lâu dài với cấp điện chuẩn là 22kV và 35kV.

+ Quy hoạch tuyến điện trong các điểm dân cư phải gắn liền với quy hoạch cải tạo kiến trúc, cải tạo đường giao thông, ao hồ.

\* *Hệ thống thông tin liên lạc*: Trên toàn bộ xã Tam Giang Tây được Công ty Viễn thông Cà Mau đầu nối và quản lý về kỹ thuật cũng như trong quá trình vận hành.

#### *11.5. Quy hoạch về thoát nước thải và vệ sinh môi trường*

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung cho khu vực trung tâm xã Tam Giang Tây.

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình và hộ dân sau khi được xử lý cục bộ bằng hầm tự hoại theo các tuyến cống nhánh thoát chung với nước mưa ra kênh, mương bên ngoài.

- Chất thải rắn: Đối với khu vực mật độ dân cư thấp nên chọn giải pháp tự xử lý tại gia đình thông qua các hình thức như tổ hợp vườn, ao, chuồng; thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân huỷ; hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

- Quy hoạch các điểm tập kết rác thải nằm trên tuyến đường liên ấp, sau đó thu gom và di chuyển về bãi rác quy hoạch của huyện tại ấp Đường Kéo.

#### *11.6. Quy hoạch về nghĩa trang và cơ sở hỏa táng*

Nghĩa trang và cơ sở hỏa táng của xã quy hoạch diện tích 3,5 ha tại ấp Đường Kéo.

### **12. Dự án ưu tiên thực hiện và nguồn vốn**

#### **12.1. Dự án ưu tiên thực hiện**

##### **\* Giai đoạn 2021 – 2025**

- Nâng cấp mở rộng tuyến đường Huyện, đường Huyện dự kiến đảm bảo đồng bộ; các tuyến đường xã, trục ấp, liên ấp.

- Xây dựng một số tuyến đường trong trung tâm xã theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt còn phù hợp đến thời điểm hiện tại.

- Nâng cấp mở rộng, nối dài các tuyến đường hiện trạng bên cạnh đó quy hoạch mới một số tuyến phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

- Đầu tư bên thủy nội địa trên các tuyến sông, kênh rạch theo quy hoạch. Trên địa bàn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật ứng phó biến đổi khí hậu và tạo cảnh quan như bờ kè, đê chắn,....

- Triển khai một số dự án trên địa bàn xã như: Bến xe xã Tam Giang Tây, các dự án điện gió,....

##### **\* Giai đoạn 2026 – 2030**

Ưu tiên đầu tư các tuyến Đường theo đúng quy hoạch và nâng cấp các điểm trường đạt chuẩn; nâng cấp trung tâm văn hóa đạt chuẩn.

Quy hoạch nâng cấp các hạng mục theo kế hoạch sử dụng đất của huyện trên địa bàn xã theo đúng tiêu chuẩn và quy định hiện hành.



**12.2. Nguồn vốn:** Gồm vốn ngân sách tỉnh, huyện và nguồn vốn xã hội hóa công trình dịch vụ công cộng.

**13. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung:**

Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung của xã dựa trên cơ sở đồ án quy hoạch chung và hướng dẫn tại Phụ lục số 2 Thông tư số 02/2017/TT-BXD gồm 3 phần chính:

Phần I: Quy định chung.

Phần II: Quy định chi tiết.

Phần III: Điều khoản thi hành.

**14. Kết luận, kiến nghị**

**14.1. Kết luận:**

Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau đã được đơn vị tư vấn thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

**14.2. Kiến nghị:**

Kiến nghị UBND huyện Ngọc Hiến sớm phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau làm cơ sở trong việc triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết và các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã Tam Giang Tây.

Các cấp chính quyền cần hỗ trợ các cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực để thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư, hệ thống hạ tầng khung kết nối xã với các vùng lân cận.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng trình Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiến xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Xây dựng;
- UBND xã Tam Giang Tây;
- Đơn vị tư vấn.
- Lưu: VT.

**Cán bộ thẩm định**



**Phạm Trung Tân**

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thanh Sử**